

Số: 127/Tr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 9 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi vốn vay ADB**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Trên cơ sở nội dung Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề xuất dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vốn vay ADB;

Trên cơ sở nội dung Công văn số 5101/BKHĐT-KTĐN ngày 04/8/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi” vốn vay ADB; Công văn số 2774/BNN-HTQT ngày 14/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý kiến Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi”; Công văn số 2149/BTNMT-KHTC ngày 10/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc góp ý kiến Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi” do ADB tài trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự kiến Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự kiến Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương;

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ

trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi” vay vốn ADB, với các nội dung chính như sau:

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Quảng Ngãi

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi.

4. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

5. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường khả năng thích ứng với hạn hán và chống chịu với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả thủy lợi phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững các hệ thống tưới thông qua đầu tư hiện đại hóa thủy lợi, nâng cao hiệu quả của dịch vụ quản lý tưới, kỹ thuật tưới và hoạt động của hệ thống công trình thủy lợi.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cấp, hiện đại hóa 28 tuyến kênh, với chiều dài được nâng cấp 94,153 km và 08 trạm bơm tưới thuộc hệ thống công trình thủy lợi Quảng Ngãi để chủ động nguồn nước tưới cho khoảng 10.037 ha diện tích đất nông nghiệp (trong đó: Lúa 7.035ha, rau màu 2.640 ha, cây ăn quả, cây công nghiệp: 362 ha); thực hiện chuyển đổi sang diện tích đất lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao; cây màu, cây ăn quả kết hợp áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào trong sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả giá trị cây trồng và tăng thu nhập cho 245.660 hộ dân với 982.638 người.

- Hiện đại hóa thiết bị vận hành đóng mở các cửa cống lấy nước, tràn xả lũ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tưới nhằm giảm chi phí vận hành, kiểm soát có hiệu quả nguồn tài nguyên nước, tăng hệ số sử dụng nước trong toàn hệ thống trên 80% vào năm 2030.

- Xây dựng các các biện pháp quản lý nước hiệu quả ở nội đồng.

- Ổn định nguồn nước để chủ động chuyển đổi các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với đặc điểm từng vùng; chủ động để phòng chống hạn, thích ứng với biến đổi khí hậu; cải thiện môi trường trong khu vực dự án, góp phần tăng năng suất, giá trị sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống của người dân.

- Đóng góp chung vào thực hiện chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam và Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi, phục vụ tốt hơn cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

6. Quy mô và nội dung đầu tư

6.1 Hợp phần 1: Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng tưới để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu, gồm 01 Tiểu dự án, với các

hạng mục sau:

- Nâng cấp, hiện đại hóa 28 tuyến thuộc công trình thủy lợi Thạch Nham với chiều dài là 94,153 km; xây dựng mới 01 trạm bơm ở xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, sửa chữa 07 trạm bơm thuộc hệ thống Thạch Nham, kết hợp hiện đại hóa vận hành hệ thống thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi để tưới cho 10.037 ha đất sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Xây dựng 24 công điều tiết trên các tuyến đã được kiên cố hóa hoàn chỉnh, đồng thời, gắn 24 bộ thiết bị vận hành điều tiết tự động thông qua ứng dụng công nghệ thông tin để điều khiển, theo dõi, quan trắc, giám sát tại các vị trí công đầu kênh này, giúp cho đơn vị quản lý khai thác giảm chi phí vận hành, tiết kiệm thời gian, chống lãng phí, tổn thất nước, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nước. Trong quá trình nâng cấp, cứng hóa kênh, sẽ tiến hành đánh giá cụ thể từng vị trí công điều tiết trên kênh để sửa chữa, bảo trì các công còn tốt, chỉ thay thế mới các công điều tiết bị hư hỏng, không còn sử dụng được.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống đóng, mở cửa van điều tiết của tràn xả lũ hồ chứa nước Núi Ngang theo công nghệ Pittông thủy lực, kết hợp phần mềm theo dõi, giám sát vận hành nhằm chủ động điều tiết lũ trong điều kiện mưa lũ cực đoan do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

\* Quy mô đầu tư công trình:

Quy mô dự kiến của Tiêu dự án: Xây dựng và hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham và Núi Ngang, tỉnh Quảng Ngãi thuộc Hợp phần 1 như sau:

TT	Công Trình	Quy mô đầu tư (Chiều dài kênh (m)/ Số tổ máy)	Ftưới theo thiết kế (ha)	Ftưới thực tế (ha)	Ftưới sau nâng cấp (ha)	F tăng(+)/ giảm (-) (ha)	Qtk (m <sup>3</sup> /s)
<b>A</b>	<b>Các tuyến kênh</b>						
1	B3-1	1500,0	565,00	96,00	150,00	+54,00	0,226
2	B3-15	3700,0	1092,00	186,00	384,00	+198,00	0,516
3	B5A	2767,0	415,00	297,2	429,9	+132,70	0,680
4	BbM5	6200,0	307,00	184,80	704,00	+519,20	0,855
5	B8-9	1780,0	187,00	158,90	186,80	+27,90	0,325
6	B8-15	5980,0	821,00	436,70	740,70	+304,00	0,970
7	B8-15 -2	3850,0	315,0	73,1	315,0	+241,9	0,396
8	B8-17	5890,0	329,3	104,7	329,3	+224,6	0,490
9	B10-10	2672,0	350,00	61,33	205,54	+144,21	0,33
10	B10.1-Bbm1-4	2890,0	205,0	156,2	205,0	+48,8	0,24
11	KBbm2-C1	3490,0	350,00	310,30	328,30	+18,00	0,43

TT	Công Trình	Quy mô đầu tư (Chiều dài kênh (m)/ Số tổ máy)	Ftưới theo thiết kế (ha)	Ftưới thực tế (ha)	Ftưới sau nâng cấp (ha)	F tăng(+)/ giảm (-) (ha)	Qtk (m <sup>3</sup> /s)
12	KBbm2-C2	4700,0	150,00	150,00	159,10	+9,10	0,208
13	KBbm12-bm12C1- bm12-C2	5540,0	420,8	196,4	420,8	224,4	0,63
14	NVC16	1420,0	311,4	104,7	311,4	+206,7	0,46
15	NVC16-2	1860,0	250,0	105,3	250,0	+147,3	0,365
16	N4	3800,0	584,00	232,00	268,00	+36,00	0,369
17	N6	2315,0	650,00	383,68	594,32	+210,64	0,910
18	N10-4	2220,0	210,00	93,10	155,00	+61,90	0,263
19	N12-10	1838,0	250,00	120	180,00	+60,00	0,315
20	N16	5100,0		1135,90	1322,44	186,54	2,120
21	S18	4200,0	725,00	702,00	725,00	+23,00	1,236
22	S18-1	2600,0	219,00	164,70	200,0	35,30	0,350
23	S18-2-3	2764,0	181,00	131	181,0	50,0	0,317
24	S18-10	2800,0	228,0	110	330,0	220,0	0,387
25	S20	2900,0	600,00	292,00	324,00	+32,00	0,460
26	S22 Bis	2800,0	392,00	312,00	392,00	+80,00	0,624
27	N8 NSV	4577,0	1333,0	612,50	894,73	+282,23	1,46
28	N10 NSV	2000,0	214,00	196,00	214,00	+18,00	0,316
<b>B Các trạm bơm</b>							
29	Trạm bơm 5	Thay thế 4 tổ máy, thay thế ống hút D400mm, nâng cấp bể hút, bể xả, sửa chữa nhà trạm	307,00	184,40	704,00	+519,20	0,855
30	Trạm bơm 6	Thay thế 4 tổ máy, thay thế ống hút D400mm, nâng cấp bể hút, bể xả, sửa chữa nhà trạm	205,60	205,60	205,60	0,00	
31	Trạm bơm 10	Thay thế 5 tổ máy, nâng cấp kênh dẫn, sửa chữa nhà trạm	180,7	180,7	180,7	0,00	
32	Trạm bơm KB12-C1	Thay thế 4 tổ máy, thay thế ống hút D350mm, nâng cấp bể hút và kênh dẫn, sửa chữa nhà trạm	420,80	196,40	420,80	+224,40	
33	Trạm bơm KB12-C2	Thay thế 2 tổ máy, thay thế ống hút D350mm, nâng cấp bể xả và bể hút, sửa chữa nhà trạm	95,00	50,0	95,00	+45,0	
34	Trạm bơm Bm2 -C1	Thay thế 5 tổ máy, thay	350,0	233,80	228,30	+94,50	

TT	Công Trình	Quy mô đầu tư (Chiều dài kênh (m)/ Số tổ máy)	Ftưới theo thiết kế (ha)	Ftưới thực tế (ha)	Ftưới sau nâng cấp (ha)	F tăng(+)/ giảm (-) (ha)	Qtk (m <sup>3</sup> /s)
		thế ống hút D350mm, nâng cấp bể hút và kênh dẫn, sửa chữa nhà trạm					
35	Trạm bơm Bm2 -C2	Thay thế 3 tổ máy, thay thế ống hút D350mm, nâng cấp bể hút, sửa chữa nhà trạm	165,0	149,00	159,10	+10,10	
36	Trạm bơm Đức Minh	Xây dựng mới trạm bơm, gồm: 2 Tổ máy, kênh dẫn cấp nước cho trạm bơm L=350m, đường ống chính L=6,5km, hệ thống tưới cấp 1, cấp 2 L=18,0 km, Đường điện 35 KV và 1 trạm biến áp				150,00	
<b>C</b>	<b>Hiện đại hóa hệ thống tưới</b>						
37	Hiện đại hóa vận hành 24 công tưới, công điều tiết thuộc các tuyến kênh được nâng cấp trong Tiểu dự án. Bao gồm: Các tuyến kênh B5A (2 công), B8-15 (4 công), B8-17 (3 công), N4 (3 công), N16 (3 công), S18 (4 công), S20 (2 công), N8NSV (3 công). Tại các điểm công này sẽ lắp đặt hệ thống SCADA						
38	Nâng cấp, sơn sửa hệ thống đóng mở và thay thế pittông cho cửa van đập tràn, và lắp đặt hệ thống SCADA tại hồ chứa nước Núi Ngang						

6.2 Hợp phần 2: Áp dụng các biện pháp quản lý nước hiệu quả ở nội đồng.

7. Dự án nhóm: B.

8. Thời gian thực hiện:

Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Năm 2021-2022.

Giai đoạn thực hiện đầu tư: Năm 2022-2025.

9. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Ba Tơ, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi.

10. Tổng vốn thực hiện dự án:

Tổng mức đầu tư: 23,86 triệu USD (tương đương 553,998 tỷ đồng, tính theo tỷ giá ngoại tệ quy đổi 1USD = 23.223 đồng).

Trong đó:

- Vốn vay OCR của ADB: 19,019 triệu USD tương đương 441,684 tỷ đồng (chiếm khoảng 79,7% tổng dự toán, không bao gồm thuế VAT) đầu tư cho hạng mục xây lắp.

- Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: 4,54 triệu USD tương đương 105,35 tỷ đồng (chiếm khoảng 19% tổng dự toán) được đầu tư cho các hạng

mục còn lại và thuế VAT.

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 0,30 triệu USD tương đương 6,97 tỷ đồng (chiếm khoảng 1,3% tổng dự toán).

\* Phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể:

Năm	Vốn vay ADB		Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn đối ứng (cả 02 Hợp phần)		Tổng cộng	
	Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng
2022	2,853	66,253	0,045	1,045	0,681	15,802	3,579	83,100
2023	4,755	110,421	0,075	1,742	1,135	26,337	5,965	138,500
2024	5,706	132,505	0,090	2,090	1,362	31,604	7,158	166,199
2025	5,706	132,505	0,090	2,090	1,362	31,604	7,158	166,199
<b>Cộng</b>	<b>19,019</b>	<b>441,684</b>	<b>0,300</b>	<b>6,966</b>	<b>4,540</b>	<b>105,348</b>	<b>23,859</b>	<b>553,998</b>

#### 11. Cơ chế tài chính trong nước:

Theo quy định tại Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại nguồn vốn nước ngoài của Chính phủ, Quảng Ngãi là địa phương có điều tiết về Ngân sách Trung ương. Theo đó, tỉnh Quảng Ngãi vay lại là 70% vốn vay ODA, Trung ương cấp phát 30% vốn ODA.

- Vốn vay OCR của ADB: 19,019 triệu USD tương đương 441,684 tỷ đồng. Trung ương cấp cho tỉnh 30%: 5,706 triệu USD (tương đương 132,505 tỷ đồng); tỉnh Quảng Ngãi vay lại 70%: 13,313 triệu USD (tương đương 309,179 tỷ đồng), với lãi suất vay dự kiến là 2,25% (Lãi suất và các loại phí), dự kiến thời gian vay 25 năm, 5 năm ân hạn.

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 0,30 triệu USD (tương đương 6,966 tỷ đồng).

- Vốn đối ứng (cho cả 02 hợp phần): 4,54 triệu USD (tương đương 105,35 tỷ đồng) chi 100% từ nguồn vốn ngân sách tỉnh Quảng Ngãi.

## II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- Nội dung Đề xuất dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB tại Công văn số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi có Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 02/4/2021 về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng

cân đối vốn dự án:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi tại Văn bản số 5101/BKHĐT-KTĐN ngày 04/8/2021.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu – Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi” tại Văn bản số 2774/BNN-HTQT ngày 14/5/2021.

Bộ Tài nguyên và Môi trường góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi” do ADB tài trợ tại Văn bản số 2149/BTNMT-KHTC ngày 10/5/2021.

### III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Văn bản số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề xuất dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vốn vay ADB

2. Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

3. Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 02/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

4. Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh về kết quả thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vốn vay ADB – Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

5. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vốn vay ADB – Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

6. Công văn số 4610/UBND-NNTN ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc giải trình, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vốn vay ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

7. Văn bản số 5101/BKHĐT-KTĐN ngày 04/8/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi;

8. Văn bản số 2774/BNN-HTQT ngày 14/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu – Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi”;

9. Văn bản số 2149/BTNMT-KHTC ngày 10/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường góp ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi” do ADB tài trợ;

10. Thư cam kết tài trợ nguồn vốn cho dự án của ADB;

11. Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

12. Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

13. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự kiến Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương;

14. Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự kiến Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách trung ương.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu” vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BQL Trung ương các dự án thủy lợi;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNTV248.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**